

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ : Khu công nghiệp P8, TP. Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý IV năm 2015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
I	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7,264,438,888,490</b>	<b>7,592,303,033,585</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>864,823,486,140</b>	<b>82,925,910,682</b>
1. Tiền	111		578,823,486,140	39,925,910,682
2. Các khoản tương đương tiền	112		286,000,000,000	43,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>894,002,745,737</b>	<b>1,702,410,149,436</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14,811,109,411	14,811,109,411.00
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(8,378,460,000)	(8,378,460,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		887,570,096,326	1,695,977,500,025
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,112,336,011,742</b>	<b>1,274,873,460,336</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1,024,840,613,115	1,157,189,525,329
2. Trả trước cho người bán	132		24,453,712,846	40,563,587,942
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136		65,005,225,318	79,083,886,602
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1,963,539,537)	(1,963,539,537)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4,312,733,437,709</b>	<b>4,451,447,537,775</b>
1. Hàng tồn kho	141		4,353,040,535,725	4,484,572,057,212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(40,307,098,016)	(33,124,519,437)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>80,543,207,162</b>	<b>80,645,975,356</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,702,953,528	2,495,482,582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51,481,759,271	60,977,287,270
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		25,239,160,155	17,173,205,504
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		2,119,334,208	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ : Khu công nghiệp P8, TP. Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>1,960,709,044,784</b>	<b>1,693,185,926,493</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>240,968,677,481</b>	<b>-</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4.	Phải thu về cho vay dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu dài hạn khác	215		240,968,677,481	-
6.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,315,798,837,474</b>	<b>1,300,101,963,722</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		<b>1,166,508,919,101</b>	<b>1,165,597,485,579</b>
	- Nguyên giá	222		2,001,193,042,633	1,835,169,365,722
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(834,684,123,532)	(669,571,880,143)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		<b>149,289,918,373</b>	<b>134,504,478,143</b>
	- Nguyên giá	228		161,463,696,680	144,429,647,061
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12,173,778,307)	(9,925,168,918)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>145,000,706,037</b>	<b>250,025,933,670</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		145,000,706,037	250,025,933,670
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>114,271,100,000</b>	<b>13,080,000,000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		114,271,100,000	13,080,000,000
3.	Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>137,204,892,706</b>	<b>119,424,302,315</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		99,156,557,781	98,226,128,809
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		38,048,334,925	21,198,173,506
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VII.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>7,464,831,086</b>	<b>10,553,726,786</b>
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>9,225,147,933,274</b>	<b>9,285,488,960,078</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ : Khu công nghiệp P8, TP. Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6,981,587,955,942</b>	<b>7,010,269,474,196</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,941,719,921,692</b>	<b>6,461,609,164,464</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		185,066,153,541	132,370,318,344
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15,504,424,887	10,324,243,728
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		17,331,488,346	25,404,502,169
4.	Phải trả người lao động	314		63,684,615,987	122,082,636,088
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		124,043,225,171	148,866,371,362.00
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319		62,164,819,324	23,840,648,743
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		2,385,554,124,520	5,929,425,299,941
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		88,371,069,916	69,295,144,089
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,039,868,034,250</b>	<b>548,660,309,732</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		39,038,252,385	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		3,968,916,666,671	500,000,000,000
9.	Ký cược ký quỹ dài hạn	339		4,216,856,000	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		24,958,626,502	45,606,014,928
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		2,737,632,692	3,054,294,804
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Địa chỉ : Khu công nghiệp P8, TP. Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

	<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>2,243,559,977,332</b>	<b>2,275,219,485,882</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1,762,062,205,003</b>	<b>1,787,021,481,661</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	700,000,000,000	700,000,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	700,000,000,000	700,000,000,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	177,876,869,236	177,876,869,236
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	79,806,684,935	79,806,684,935.00
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415	(80,162,090,861)	(80,162,090,861)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	115,856,340,820	98,893,770,789.00
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	74,079,253,264	47,138,548,094
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	694,605,147,609	763,467,699,468
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	662,158,944,070	505,332,310,075
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	32,446,203,539	258,135,389,393
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	431	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
<b>III.</b>	<b>Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>	<b>481,497,772,329</b>	<b>488,198,004,221</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>9,225,147,933,274</b>	<b>9,285,488,960,078</b>



**Lưu Minh Trung**  
Kế Toán trưởng



Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

**Lê Văn Điệp****P. Tổng Giám đốc**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH HƯNG**

Địa chỉ: Khu công nghiệp P8, TP. Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Quý IV năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
			1.	01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,955,503,281,639
2.	02	Các khoản giảm trừ doanh thu	37,966,591,677	36,207,300,008	185,717,938,569	130,061,808,523
3.	10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	3,917,536,689,962	4,296,854,056,402	12,286,624,409,955	15,094,740,952,959
4.	11	Giá vốn hàng bán	3,619,327,228,774	3,747,893,244,536	11,214,768,939,264	13,078,415,992,602
5.	20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	298,209,461,188	548,960,811,866	1,071,855,470,691	2,016,324,960,357
6.	21	Doanh thu hoạt động tài chính	78,413,929,867	49,740,242,718	270,405,669,954	146,635,796,390
7.	22	Chi phí tài chính	82,320,339,897	81,819,121,822	440,583,234,855	257,698,717,542
	23	Trong đó: chi phí lãi vay	72,544,486,500	46,015,230,911	217,114,918,977	167,134,344,566
8.	25	Chi phí bán hàng	202,311,059,425	198,330,052,510	729,270,070,995	694,714,723,573
9.	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35,769,224,112	43,533,638,426	164,667,684,883	157,837,686,476
10.	30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)	56,222,767,621	275,018,241,826	7,740,149,912	1,052,709,629,156
11.	31	Thu nhập khác	(54,087,073,557)	3,318,188,536	23,521,121,110	9,762,705,782
12.	32	Chi phí khác	13,162,785,844	9,186,567,085	19,125,053,629	14,934,290,801
13.	40	Lợi nhuận khác (40=31-32)	(67,249,859,401)	(5,868,378,549)	4,396,067,481	(5,171,585,019)
14.	50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	(11,027,091,780)	269,149,863,277	12,136,217,393	1,047,538,044,137
15.	51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24,744,071,107	25,047,546,691	56,579,654,603	112,244,074,336
16.	52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	16,354,568,461	(21,241,641,306)	37,497,549,845	(14,245,635,327)
17.	60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	(19,416,594,426)	222,860,675,280	(6,945,887,365)	921,048,334,474
17.1	61	Lợi ích của cổ đông thiểu số	15,256,193,682	32,906,605,596	(39,392,090,904)	165,971,664,904
17.2	62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(34,672,788,108)	189,954,069,684	32,446,203,539	755,076,669,570
18.	70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(506)	2,750	474	10,930
19.	71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

*Lưu Minh Trung*

Lưu Minh Trung  
Kế toán Trưởng



*Le Văn Diệp*  
Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp P8, TP Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		12,136,217,393	1,047,538,044,137
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		173,820,736,920	154,693,123,098
-	Các khoản dự phòng	03		6,394,478,025	3,600,739,283
-	Lãi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	04		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		(701,438,223)	(8,622,178,524)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(194,429,647,556)	(80,176,906,984)
-	Chi phí lãi vay	07		221,031,585,648	167,134,344,566
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>218,251,932,207</b>	<b>1,284,167,165,576</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(75,367,681,413)	(152,286,584,556)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		191,437,939,783	(1,977,942,198,267)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(82,028,675,959)	(287,036,581,136)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5,577,527,698	2,282,615,538
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(195,424,163,860)	(161,027,571,892)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(69,238,625,918)	(52,851,382,432)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(23,141,286,513)	(30,964,920,593)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(29,933,033,975)</b>	<b>(1,375,659,457,762)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.5	(147,619,628,466)	(105,346,176,588)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,380,000,000	-
3.	Tiền chi cho vay, gửi kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(782,500,000,000)	(1,760,700,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,591,706,666,409	202,427,130,255
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(8,609,978,829)	(3,900,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(3,260,046,575)	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		240,639,225,723	47,640,622,002
8.	Tiền thu từ các khoản ký gửi, ký quỹ dài hạn	28		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>891,736,238,262</b>	<b>(1,619,878,424,331)</b>



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Quý IV năm 2015

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
				Năm 2015	Năm 2014
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.8	100,000,000	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(61,624,685,000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14,211,998,708,364	18,199,610,889,605
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14,294,889,601,473)	(16,491,849,230,470)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(566,414,210,057)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(82,790,893,109)</b>	<b>1,079,722,764,078</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>779,012,311,178</b>	<b>(1,915,815,118,015)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>82,925,910,682</b>	<b>2,000,246,094,247</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,885,264,280	(1,505,065,550)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>864,823,486,140</b>	<b>82,925,910,682</b>

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2016



*(Signature)*  
Lê Văn Điệp  
P. Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**

Khu Công Nghiệp P8, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1 Đơn vị báo cáo****(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn trong vòng 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 2 năm 2015, Tập đoàn có 10 công ty con (1/1/2015: 10 công ty con) chi tiết như sau:

**Danh sách các công ty con như sau:**

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	2370515 do Bang California, Hoa Kỳ cấp	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 18 tháng 11 năm 2013	67,5%	67,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2000.	97,5%	97,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 30 tháng 10 năm 2001.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	56-02-000417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006.	99,1%	99,1%



<b>Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú</b>	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	4302000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 9 tháng 2 năm 2006.	98,5%	98,5%
<b>Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú</b>	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	6104000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 7 năm 2008.	100%	100%
<b>Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú -Lộc An</b>	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	3501729783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010.	100%	100%
<b>Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản Minh Phú</b>	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, sản xuất giống thủy sản, nuôi trồng thủy sản nội địa, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản, tư vấn nuôi trồng và chế biến thủy sản ...	6300249616 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 26 tháng 06 năm 2014.	100%	100%
<b>Công ty cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang</b>	Thi Công xây dựng cảng Container và hàng hóa vật tư, Thi công xây dựng kho, cảng xăng, dầu, khí, gas, kinh doanh xăng, dầu, khí, gas, Kinh doanh hàng hóa vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất.	6300108975 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24 tháng 02 năm 2010.	83.72%	

\* Theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị số 1404/QĐ2015 ngày 14 tháng 4 năm 2015. Công ty sở hữu thêm 10% phần vốn góp của Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang và trở thành cổ đông nắm quyền kiểm soát tại công ty này.

#### **Danh sách công liên kết**

Công ty TNHH Minh Phú Aquamekong  
 Công ty CP hạ tầng SG-CM  
 Công ty cổ phần MEKONG LOGISTICS

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 14.383 nhân viên (ngày 01 tháng 01 năm 2015: 14.860 nhân viên).

## **2 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.



**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính quý IV năm 2015 bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”). cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3 Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế các hướng dẫn trước đây trong Phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Các thay đổi đáng kể trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau đây.

- ▶ Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh 4(a))
- ▶ Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b))
- ▶ Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(s))
- ▶ Lợi thế thương mại (Thuyết minh 4(k)).

Các thông tư cũng có những thay đổi về việc trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất. Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện hành. Chi tiết về việc phân loại một vài số liệu so sánh được trình bày trong Thuyết minh 44 của báo cáo tài chính hợp nhất quý này.

**4 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu :**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

▶ **Các công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

▶ **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

▶ **Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.



► **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

► **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

► **Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) **Ngoại tệ**

► **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa nền độ.



### **Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **Các khoản đầu tư**

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

➤ **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

➤ **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	5 – 39 năm
Máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
Phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

➤ **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có :

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất.

➤ **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

• **Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

• **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 6 đến 20 năm.

• **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết không được tiếp tục phân bổ nữa.

**(l) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

• **Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.



Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**(n) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(o) Vốn cổ phần**

▶ ***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

▶ ***Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

▶ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

▶ ***Thu nhập lãi tiền gửi***

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



• **Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Chi tiết giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số 39,40.

**5 Hợp nhất kinh doanh**

Tại 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn nắm giữ 40% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang. Vào ngày 10 tháng 4 năm 2015, Tập đoàn đã quyết định mua 60% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang từ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng, một bên liên quan, theo giá gốc. Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang trở thành công ty con sở hữu hoàn toàn từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 sau giao dịch này.

Sau ngày mua, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang đã phát hành đầy đủ vốn cổ phần đã được duyệt là 200 triệu VND. Công ty đã mua 10.000.000 cổ phiếu tương đương với 100.000.000.000 VND và nắm giữ 50% cổ phần. Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã mua lại 9.990.000 cổ phiếu tương đương với 99.900.000.000 VND và nắm giữ 49,95% lợi ích. Kết quả là tỷ lệ phần trăm lợi ích vốn chủ sở hữu và lợi ích kinh tế của Tập đoàn đối với Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang lần lượt là 99,95% và 83,72%.



**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>6 Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	4,117,069,597	2,358,070,841
Tiền gửi ngân hàng	574,706,416,543	37,567,839,841
Các khoản tương đương tiền	286,000,000,000	43,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>864,823,486,140</b>	<b>82,925,910,682</b>

<b>7 Các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>(a) Chứng khoán kinh doanh</b>		
- Cổ phiếu (*)	14,811,109,411	14,811,109,411
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(8,378,460,000)	(8,378,460,000)
<b>Cộng</b>	<b>6,432,649,411</b>	<b>6,432,649,411</b>

(\*) Chi tiết cổ phiếu nắm giữ :

	<b>Số lượng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Dự phòng giảm giá</b>
	<b>đầu năm và cuối kỳ</b>	<b>Giá trị (VND)</b>		<b>đầu năm và cuối kỳ</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	141,800	6,004,500,000	6,004,500,000	(4,359,160,000)
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112,000	5,263,000,000	5,263,000,000	(4,019,300,000)
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	8	80,000	80,000	
Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	18,823	272,941,176	272,941,176	
Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	125,882	3,270,588,235	3,270,588,235	
<b>Cộng</b>		<b>14,811,109,411</b>	<b>14,811,109,411</b>	<b>(8,378,460,000)</b>

<b>(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên đến 1 năm	887,570,096,326	1,693,977,500,025
- Khoản cho vay (*)	-	2,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>887,570,096,326</b>	<b>1,695,977,500,025</b>

(\*) Phản ánh khoản cho Công ty Aquamekong vay. Theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2014 thời hạn cho vay từ 18-08-2014 đến 18-08-2015 với lãi suất 7%/năm. Tại thời điểm lập báo cáo khoản cho vay này đã được thanh toán.

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

• **Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015**

**Đầu tư vào :**

<b>Công ty liên kết</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>% Sở hữu</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự Phòng</b>
Công ty TNHH DV kỹ thuật nuôi trồng thủy sản MP Aquamekong	TPHCM-VN	49%	3,900,000,000	-
Công ty CP Cảng Minh phú Hậu Giang	Hậu Giang- VN	40%	2,180,000,000	-
<b>Đơn vị khác</b>				
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mè Cà Mau -VN		10%	7,000,000,000	-
			<b>13,080,000,000</b>	

• *Tại ngày 12 tháng 12 năm 2015*

**Đầu tư vào :**

Công ty liên kết	Địa chỉ	% Sở hữu	Giá gốc	Dự Phòng
Công ty TNHH DV kỹ thuật nuôi trồng thủy sản MP Aquamekong	TPHCM-VN	49%	3,900,000,000	-
Công ty TNHH Mekong Logistic	Hậu Giang- VN	41%	98,000,000,000	-
Công ty TNHH VN FOOD	Hậu Giang- VN		5,371,100,000	-
<b>Đơn vị khác</b>				
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau	Cà Mau -VN	10%	7,000,000,000	(111,246,470)
			<b>114,271,100,000</b>	

• Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thành lập một công ty con sở hữu hoàn toàn, Công ty TNHH Mekong Logistic. Sau khi thành lập, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang đã quyết định bán 51% lợi ích kinh tế trong Công ty TNHH Mekong Logistic cho một bên thứ ba. Công ty TNHH Mekong Logistic trở thành công ty liên kết của Tập đoàn sau sự kiện này.

• Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 8 Phải thu của khách hàng

### (a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Censea Inc.	208,362,590,678	204,234,435,988
Khách hàng khác	816,478,022,437	952,955,089,341
<b>Cộng</b>	<b>1,024,840,613,115</b>	<b>1,157,189,525,329</b>

### (b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau	2,058,898,500	2,058,898,500
<b>Cộng</b>	<b>2,058,898,500</b>	<b>2,058,898,500</b>

Khoản thương mại phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 15-90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Người bán nước ngoài	4,294,146,120	1,811,072,433
Người bán trong nước	20,159,566,726	38,752,515,509
<b>Cộng</b>	<b>24,453,712,846</b>	<b>40,563,587,942</b>

Khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo khoản vay tại các ngân hàng thương mại (thuyết minh 23(a))



10 Các khoản phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phải thu	14,055,860,918	53,058,365,555
Cho người lao động vay (*)	4,300,361,909	5,838,761,909
Phải thu từ thanh lý công ty con	33,000,000,000	20,186,759,138
Phải thu khác	13,649,002,491	-
<b>Cộng</b>	<b>65,005,225,318</b>	<b>79,083,886,602</b>

(\*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không chịu lãi, và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**11 Nợ xấu và nợ khó đòi**  
**Tại ngày 31/12/2015**

	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng phải thu khó đòi
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH Chế biến và xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	2-3 năm	982,302,147	-	(982,302,147)
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và chế biến thủy sản Mỏ Ó Sóc Trăng	2-3 năm	771,913,390	-	(771,913,390)
Công ty TNHH Thanh Bình	2-3 năm	209,324,000	-	(209,324,000)
		<b>1,963,539,537</b>		<b>(1,963,539,537)</b>

12 Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	23,689,618,439	801,717,688
Nguyên vật liệu	120,548,459,934	142,899,967,589
Công cụ, dụng cụ	6,436,274,665	6,723,830,143
Sản phẩm dở dang	75,497,592,244	48,945,047,113
Thành phẩm, hàng hóa	4,126,868,590,443	4,285,201,494,679
<b>Cộng</b>	<b>4,353,040,535,725</b>	<b>4,484,572,057,212</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(40,307,098,016)	(33,124,519,437)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>4,312,733,437,709</b>	<b>4,451,447,537,775</b>

**Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau :**

Số đầu năm	(33,124,519,437)
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	(46,356,949,014)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	39,962,470,989
Chênh lệch tỷ giá	(788,100,554)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(40,307,098,016)</b>

Tất cả hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại (thuyết minh 23(a))

**Các khoản phải thu dài hạn**

Thuế chống bán phá giá tạm nộp (\*)

(\*) Theo Luật chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty cổ phần Meseafood, một công ty con phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ thương mại Hoa kỳ (DOC). Hàng năm, Meseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo thuế suất tạm tính do DOC quy định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

**13 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	685,620,763,410	980,924,845,366	148,498,339,087	20,125,417,859	1,835,169,365,722
Tăng trong kỳ	45,013,046,310	119,167,674,581	5,607,072,818	372,491,405	170,160,285,114
Mua mới	2,181,909,092	94,579,252,581	5,607,072,818	299,299,999	102,667,534,490
XDCB hoàn thành	42,238,779,869	24,588,422,000	-	42,450,000	66,869,651,869
Chênh lệch tỷ giá	592,357,349	-	-	30,741,406	623,098,755
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	4,004,524,017	132,091,370	-	4,136,615,387
Xóa sổ	-	4,004,524,017	132,091,370	-	4,136,615,387
Chuyển sang CP trả trước dài hạn	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	730,633,809,720	1,096,087,995,930	153,973,320,535	20,497,909,264	2,001,193,035,449
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	171,205,335,478	433,967,519,350	56,124,874,634	8,274,150,681	669,571,880,143
Tăng trong kỳ	45,819,310,675	102,920,093,730	16,699,467,648	2,269,766,039	167,708,638,092
Phân bổ trong kỳ	45,694,173,665	102,920,093,730	16,699,467,648	2,239,382,770	155,520,279
Chênh lệch tỷ giá	125,137,010	-	-	30,383,269	155,520,279
Giảm trong kỳ	-	2,204,986,500	391,415,387	-	2,596,401,887.00
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	2,204,986,500	391,415,387	-	2,596,401,887.00
Số cuối kỳ	217,024,646,153	534,682,626,580	72,432,926,895	10,543,916,720	834,684,116,348
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	514,415,427,932	546,957,326,016	92,373,464,453	11,851,267,178	1,165,597,485,579
Số cuối kỳ	513,609,163,567	561,405,369,350	81,540,393,640	9,953,992,544	1,166,508,919,101

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (thuyết minh 23(a))

**14 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Số đầu năm	141,678,727,231	2,750,919,830	144,429,647,061
Tăng trong kỳ	700,589,990	27,399,356,500	28,099,946,490
Mua mới	-	770,015,000	770,015,000
XDCB hoàn thành	-	26,629,341,500	-
Chênh lệch tỷ giá	700,589,990	-	700,589,990
Giảm trong kỳ	11,065,896,871	-	11,065,896,871.00
Xóa sổ	-	-	-
Chuyển sang CP trả trước dài hạn	-	-	-
Giảm khác	11,065,896,871	-	11,065,896,871
Số cuối kỳ	131,313,420,350	30,150,276,330	161,463,696,680



**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	8,435,560,570	1,489,608,348	9,925,168,918
Tăng trong kỳ	2,387,684,027	791,039,380	3,178,723,407
Phân bổ trong kỳ	2,387,684,027	791,039,380	3,178,723,407
Giảm trong kỳ	930,114,018	-	930,114,018.00
Xóa sổ	-	-	-
Chuyển sang CP trả trước dài hạn	-	-	-
Giảm khác	930,114,018	-	930,114,018.00
Số cuối kỳ	9,893,130,579	2,280,647,728	12,173,778,307

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	133,243,166,661	1,261,311,482	134,504,478,143
Số cuối kỳ	121,420,289,771	27,869,628,602	149,289,918,373

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (thuyết minh 23(a))

**15 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Số đầu năm	250,025,933,670
Tăng trong kỳ	53,595,971,925
Chuyển sang TSCĐ trong kỳ	(93,498,993,369)
Góp vốn đầu tư	(55,552,872,889)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9,569,333,300)
Số dư cuối kỳ	145,000,706,037

**16 Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Các chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ chủ yếu bao gồm các loại: Công cụ, dụng cụ và thiết bị văn phòng chưa kết chuyển hết, được phân bổ dần trong khoảng thời gian dưới 01 năm.

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

Số đầu năm	98,226,128,809
Tăng trong kỳ	35,496,198,095
Chuyển từ XDCCB	5,655,505,681
Phân bổ trong kỳ	(40,221,274,804)
Số dư cuối kỳ	99,156,557,781

Chi phí trả trước dài hạn trong kỳ chủ yếu gồm các loại: Công cụ, dụng cụ và thiết bị văn phòng, chi phí thành lập ... chưa kết chuyển hết, được phân bổ dần trong khoảng thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

**17 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Xem thuyết minh số 4(m)

## 18 Lợi thế thương mại

Vào ngày 31 tháng 05 năm 2008, tập đoàn mua lại 90% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Mseafood Corporation, một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ và chuyên mua bán các mặt hàng thủy sản được nhập từ các công ty thuộc cùng Tập đoàn tại Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ. Chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư và giá trị hợp lý được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại phát sinh vào ngày mua trị giá 1.819.459 Đô la mỹ (tương đương 30.888.957 ngàn VND) đã được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoản thời gian 10 năm kể từ ngày mua .

Nguyên giá	VND
Nguyên giá đầu năm và cuối năm	30,888,957,000
<b>Phân bổ lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	20,335,230,214
Phân bổ trong kỳ	3,088,895,700
Số dư cuối kỳ	23,424,125,914
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	10,553,726,786
Số dư cuối kỳ	7,464,831,086

## 19 Thuế phải nộp ngân sách nhà nước

### (a) Thuế phải nộp ngân sách nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT	469,721,555	1,467,679,371
Thuế TNDN	15,590,600,974	22,516,001,966
Thuế thu nhập cá nhân	1,270,715,817	1,409,601,232
Các loại thuế khác	450,000	11,219,600
<b>Cộng</b>	<b>17,331,488,346</b>	<b>25,404,502,169</b>

### (b) Thuế phải thu ngân sách nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế TNDN	14,866,929,847	273,715,276
Thuế xuất nhập khẩu	9,811,447,027	16,839,024,763
Thuế GTGT	17,296,098.00	60,465,465
Thuế thu nhập cá nhân	39,870,193.00	-
Tiền thuê đất	503,616,990	-
<b>Cộng</b>	<b>25,239,160,155</b>	<b>17,173,205,504</b>

## 20 Chi Phí phải trả

Là khoản trích trước thuế chống bán phá giá , tại ngày kết thúc kỳ báo cáo khoản này chưa được quyết toán .Thuế chống bán phá

giá phải trả do tập đoàn ước tính có thể thay đổi theo số thuế thực phải trả được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài .

## 21 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Là khoản lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp vào một công ty liên kết	39,038,252,385	-



**22 Phải trả khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	4,379,739,291	2,619,368,300
Tiền thuê đất phải trả	75,706,284	4,248,319,168
Lãi trái phiếu phải trả	27,797,527,791	6,106,772,674
Các khoản phải trả khác	29,911,845,958	12,072,213,326
	<b>62,164,819,324</b>	<b>23,840,648,743</b>

**23 Vay và trái phiếu****(a) Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng đầu tư và phát triển – CN Cà Mau	319,321,868,168	319,321,868,168	892,613,384,527	892,613,384,527
Ngân hàng TMCP công thương – CN Cà Mau	1,613,479,778,680	1,613,479,778,680	4,277,113,531,874	4,277,113,531,874
Ngân hàng Quốc tế VIB -CN Cà Mau	24,986,497,882	24,986,497,882	-	-
Ngân hàng TMCP ngoại thương – CN Cà Mau	427,765,979,790	427,765,979,790	759,698,383,540	759,698,383,540
<b>Cộng</b>	<b>2,385,554,124,520</b>	<b>2,385,554,124,520</b>	<b>5,929,425,299,941</b>	<b>5,929,425,299,941</b>

- › Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho hình thành từ vốn vay.
- › Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, một số máy móc thiết bị, hàng tồn kho và các khoản phải thu tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- › Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho hình thành từ vốn vay.

**(b) Trái phiếu**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau :

	Lãi suất	Năm đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn				
Lô 1 (*)	9,65%	2017	500,000,000,000	500,000,000,000
Lô 2 (**)	7,50%	2020	3,468,916,666,671	-
			<b>3,968,916,666,671</b>	<b>500,000,000,000</b>

(\*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 17 tháng 9 năm 2014 là trái phiếu không được đảm bảo và không chuyển đổi. Trái phiếu doanh nghiệp chịu lãi suất 9,65% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai, lãi suất được tính dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân của bốn ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMPC Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam) cộng 2,65%. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 25 tháng 9 năm 2017.

(\*\*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2015, và ngày 3 tháng 7 năm 2015 được đảm bảo bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 5 năm 2020 và ngày 3 tháng 7 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

## 24 Dự phòng dài hạn

Biến động dự phòng dài hạn trong kỳ như sau :

<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3,054,294,804</b>
Trích lập dự phòng trong kỳ	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	316,662,112
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2,737,632,692</b>

## 25 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội Cổ đông của tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn .

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau :

Số dư đầu kỳ	69,295,144,089
Phân bổ	27,101,848,228
Sử dụng quỹ	(8,025,922,401)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>88,371,069,916</b>

## 26 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	30,277,641,558	130,558,711,411
Nhà cung cấp nước ngoài	154,788,511,983	1,811,606,933
<b>Cộng</b>	<b>185,066,153,541</b>	<b>132,370,318,344</b>

## 27 Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	1,980,490,252	86,435,500
Khách hàng nước ngoài	13,523,934,635	10,237,808,227
<b>Cộng</b>	<b>15,504,424,887</b>	<b>10,324,243,727</b>

## Thuế suất thuế TNDN áp dụng

### Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.



Ngày 22 tháng 6 năm 2015, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 96/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập của Công ty được giảm từ 22% xuống còn 10% đối với những mặt hàng đã qua sản xuất chế biến áp dụng cho năm tài chính 2015.

#### **Các Công ty con**

##### **Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)**

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

##### ▶ **Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 25%.

##### ▶ **Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Quý cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

##### ▶ **Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2015 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

##### ▶ **Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

##### ▶ **Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

▶ **Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

▶ **Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

▶ **Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản Minh Phú**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản Minh Phú nộp thuế theo quy định của pháp luật

▶ **Công ty cổ phần Cảng Minh Phú - Hậu Giang**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty cổ phần Cảng Minh Phú - Hậu Giang nộp thuế theo quy định của pháp luật

Các loại thuế khác Công ty trong tập đoàn kê khai và nộp theo qui định





29	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần</b>				
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70,000,000	700,000,000,000	70,000,000	700,000,000,000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(1,537,150)	(80,162,090,861)	(1,537,150)	(80,162,090,861)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	68,462,850	619,837,909,139	68,462,850	619,837,909,139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

### 30 Cổ tức

- Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức là 5.000 VND một cổ phiếu tương đương 343.661 triệu VND
- Tại cuộc họp Hội đồng quản trị công ty ngày 19 tháng 8 năm 2015 đã thống nhất thông qua việc tạm dừng không chia cổ tức năm 2014

## THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<b>31 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Kỳ báo cáo</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm</b>
Tổng doanh thu	3,955,503,281,639	12,472,342,348,524
Các khoản giảm trừ doanh thu:	37,966,591,677	185,717,938,569
- Hàng bán bị trả lại	32,237,981,427	174,217,211,092
- Giảm giá hàng bán	5,728,610,250	11,500,727,477
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3,917,536,689,962</b>	<b>12,286,624,409,955</b>
<b>32 Giá vốn hàng bán</b>		
Là giá vốn thành phẩm, hàng hóa nguyên vật liệu và dịch vụ đã cung cấp		
<b>33 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Kỳ báo cáo</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	16,719,090,596	99,322,016,086
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7,641,847,291	74,701,247,324
Doanh thu tài chính khác	54,052,991,980	96,382,406,544
<b>Cộng</b>	<b>78,413,929,867</b>	<b>270,405,669,954</b>
<b>34 Chi phí tài chính</b>	<b>Kỳ báo cáo</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm</b>
Chi phí lãi vay	72,544,486,500	217,114,918,977
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8,613,338,974	212,760,758,625
Chi phí tài chính khác	1,162,514,423	10,707,557,253
<b>Cộng</b>	<b>82,320,339,897</b>	<b>440,583,234,855</b>



35 Chi phí bán hàng	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí nhân viên	7,660,391,602	29,600,769,655
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	838,343,745	3,963,390,835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188,486,637	752,180,772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188,053,300,631	680,233,599,098
Chi phí khác	5,570,536,810	14,720,130,635
<b>Cộng</b>	<b>202,311,059,425</b>	<b>729,270,070,995</b>

36 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí cho nhân viên	18,205,422,460	77,744,628,306
Chi phí đồ dùng văn phòng	2,109,221,547	9,661,435,934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,916,086,463	8,153,867,546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,788,162,993	44,913,163,942
Chi phí khác	3,750,330,649	24,194,589,155
<b>Cộng</b>	<b>35,769,224,112</b>	<b>164,667,684,883</b>

### 37 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

<b>Số Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm</b>	<b>68,462,850</b>
Cổ phiếu quỹ mua trong kỳ	-
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ</b>	<b>68,462,850</b>

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(34,672,788,108)</b>	<b>32,446,203,539</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(34,672,788,108)</b>	<b>32,446,203,539</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	68,462,850	68,462,850
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(506)</b>	<b>474</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ báo cáo	Lũy kế
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1,682,289,091,333	8,292,718,494,084
Chi phí nhân công và nhân viên	246,570,848,821	1,020,649,326,065
Chi phí khấu hao và phân bổ	59,318,521,386	173,820,736,920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105,237,398,041	746,564,546,633
Chi phí khác	165,966,073,590	270,564,938,105

**NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Giáo dịch với các bên liên quan**

Tập đoàn có quan hệ liên quan với các công ty liên kết, các cổ đông và công ty sở hữu bởi các cổ đông chính. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo công nợ liên quan giữa các bên trong tập đoàn như sau:

**38 Công nợ phải thu phải trả về mua bán hàng hóa và dịch vụ**

Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	6,750,000,000	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Qúi
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	8,954,919,100	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Qúi
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	26,565,972,727	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	36,922,698,573	Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - HG
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	58,595,622,188	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – KG
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	13,314,629,996	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – KG
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	22,968,315,317	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	82,500,000	Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	92,897,700	Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	863,212,187,505	Công ty Mseafood Corporation
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Qúi	30,984,696,240	Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - IIG
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	266,256,000	Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - HG
Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - HG	3,167,956,700	Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – KG	169,037,170,979	Công ty Mseafood Corporation
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – KG	75,000,000	Cy TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – KG	1,793,163,500	Cy TNHH ITV SX chế phẩm sinh học – Minh
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – KG	16,350,076,825	Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản
Cy TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	1,175,184,000	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú
Cy TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	1,456,685,888	Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản
Cy TNHH ITV SX chế phẩm sinh học – Minh Phú	1,288,500,000	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	16,810,446,345	Công ty TNHH MTV chuỗi cung ứng thủy sản

**39 Công nợ phải thu phải trả khác về mua bán hàng hóa và dịch vụ**

Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	19,518,659,665	Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - HG
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	3,686,000,000	Cy TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	53,050,226,809	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú
Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	16,000,000,000	Công ty cổ phần Cảng Minh Phú – Hậu Giang
Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú - HG	15,984,000,000	Công ty cổ phần Cảng Minh Phú – Hậu Giang



Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận, Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan

#### 40 Những thông tin khác

##### *Thay đổi chính sách kế toán*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Công ty sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ và báo cáo tài chính năm. Ngoài ra Công ty cũng áp dụng trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2016



Lê Văn Điệp  
P. Tổng Giám đốc

Lưu Minh Trung  
Kê toán trưởng

